

Bản án số 980/2024/HS-PT
Ngày 17/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;
Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1096/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Dương Văn C phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: **Dương Văn C**, sinh năm 1972 tại huyện H, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị N; vợ là Nông Thị Vân K (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/11/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 359/2010/HSST; Ngày 26/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” và phạt bổ sung 4.000.000 đồng; bị cáo bị bắt từ ngày 30/9/2023 đến ngày 23/02/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Đoàn Quang H, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Hà Giang tiếp nhận tin báo về tội phạm do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B chuyển đến có nội dung, khoảng 03 giờ, ngày 19/8/2023, Thò Mí C1, sinh ngày 24/12/2007, trú tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang bị rơi xuống hố trong hầm mỏ dẫn đến tử vong, khi đang thực hiện khai thác vàng tại điểm mỏ thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Kết quả điều tra xác định điểm mỏ trên thuộc Công ty cổ phần V, trụ sở chính tại số nhà B, ngõ A, tại tổ A, phường M, thành phố Hà Giang (gọi tắt là Công ty V), do ông Lê Văn H1 (sinh năm 1969, trú tại tổ A, phường M, thành phố H) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật và chịu trách nhiệm quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty.

Ngày 27/8/2009, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu cho Công ty V (mã số doanh nghiệp E1; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 01/6/2021, vốn điều lệ là 18.900.000.000 đồng). Từ khi thành lập, Công ty V thực hiện hoạt động khai thác chế biến, tuyển quặng vàng tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1342/GP-UBND, ngày 30/6/2011 của UBND tỉnh Hà Giang, thời hạn khai thác 17 năm (từ ngày 30/6/2011 đến ngày 30/6/2028), công suất khai thác nguyên khai là 10.464 tấn quặng/năm.

Ngày 20/4/2021, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Hà Giang ký Quyết định số 88/QĐ-STNMT về việc thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan đối với Công ty V trong việc thực hiện Dự án khai thác tại các mỏ vàng sa khoáng T, vàng gốc Thượng Cầu và sa khoáng S thuộc xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Ngày 25/10/2022, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Hà Giang ban hành Kết luận thanh tra số 3182/KL-STNMT trong đó xác định: Công ty V để xảy ra nhiều sai phạm trong việc khai thác khoáng sản, đặc biệt là không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí theo quy định của pháp luật, cụ thể: Không nộp thuế tài nguyên khoáng sản; không nộp phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; không nộp đầy đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản. Căn cứ các nội dung sai phạm của Công ty V, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Hà Giang kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang dừng hoạt động khai thác khoáng sản tại Dự án khai thác các mỏ vàng sa khoáng T, vàng gốc Thượng Cầu và sa khoáng S, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Ngày 08/11 /2022, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang ban hành Văn bản số 3520/UBND-KTTH, trong đó yêu cầu Công ty V dừng hoạt động khai thác

khoáng sản tại điểm mỏ thôn T, xã T, huyện B cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nộp thuế) đối với Nhà nước theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Hà Giang và hoàn thành việc khắc phục các tồn tại, vi phạm theo yêu cầu tại Kết luận thanh tra số 3182/KL-STNMT ngày 25/10/2022 của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Hà Giang.

Trong thời gian Công ty V đang được phép khai thác, ông Lê Văn H1 điều hành mọi hoạt động của Công ty với hình thức cho các cá nhân ký hợp đồng thuê khoán với hình thức khoán gọn (*tức là bên thuê điểm mỏ được hưởng 100% sản phẩm vàng mà mình khai thác được, tự hạch toán thu chi, không phải báo cáo với ông H1*) với mức khoán từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng/01 tháng/ 01 hầm lò, việc áp dụng mức tiền thuê khoán do ông H1 và các cá nhân đứng ra thuê khoán tự thống nhất với nhau dựa trên số lượng người lao động mà bên thuê sử dụng, ngoài ra bên thuê khoán phải đặt cọc số tiền 50 triệu đồng, tiền ký quỹ phục hồi môi trường, san lấp hoàn thổ sau khi bên thuê hoàn thiện hoặc chấm dứt hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng bên thuê khoán được phép khai thác tại một hầm lò riêng biệt, tự đầu tư máy móc, thiết bị, trang bị đồ bảo hộ lao động cho người lao động, chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động, đảm bảo tính mạng cho người lao động và thanh toán các chi phí, dịch vụ phát sinh như tiền điện, tiền nước... Từ năm 2020, ông H1 ký hợp đồng thuê khoán với ông Phương Văn T (sinh năm 1969, trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) và ông Phạm Văn C2 (sinh năm 1974, trú tại xóm K, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên).

Tháng 6/2020, Công ty V ký hợp đồng lao động với bị cáo Dương Văn C với công việc là thợ khoan nổ mìn cho các hầm lò. Ngoài ra, ông H1 còn hợp đồng với ông Đặng Thanh T1 (sinh năm 1960, trú tại: Tổ D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) giao phụ trách việc thu chi tại điểm mỏ, thu tiền điện của các tổ khai thác để nộp cho Điện lực B và giúp ông H1 quản lý các hoạt động tại điểm mỏ nên ông T1 được bố trí ăn ở sinh hoạt cùng ông H1 tại Văn phòng Công ty.

Trước khi bị dừng hoạt động (tức trước ngày 08/11/2022), điểm mỏ của Công ty V có 02 hầm lò đang hoạt động khai thác, tuyển quặng vàng là hầm lò của ông Phương Văn T và hầm lò của Phạm Văn C2. Do ông T không thường xuyên có mặt tại hầm lò nên giao bị cáo Đoàn Quang H giúp quản lý, giám sát các hoạt động khai thác tại hầm lò.

Sau khi có thông báo của UBND tỉnh Hà Giang (Văn bản số 3520/UBND-KTTH ngày 08/11/2022) về việc dừng khai thác đối với điểm mỏ, ông H1 thông báo cho ông C2, ông T biết, ông C2, ông T xin ông H1 cho để lại toàn bộ các thiết bị máy móc dùng để khai thác trong hầm lò và sẽ cử người ở lại trông coi để chờ điểm mỏ được khai thác trở lại thì sẽ tiếp tục hợp tác với ông H1 khai thác. Ông T giao bị cáo Đoàn Quang H quản lý, trông coi các thiết bị máy móc để trong hầm lò và các tài sản khác để ở lán trại. Ông C2 cùng anh Phạm Văn H2 (sinh năm 1988, là em ruột của ông C2) và anh Nguyễn Văn S (sinh năm 1978, là em rể của

ông C2) cùng trú tại xóm K, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp ở lại điểm mỏ quản lý tài sản, hút nước trong hầm lò để bảo dưỡng hầm lò. Còn bị cáo Dương Văn C vẫn ở lại điểm mỏ, thường xuyên qua lại lán trại của ông T chơi với bị cáo H. Đến khoảng tháng 12/2022, bị cáo C chuyển đến ở cùng bị cáo H tại lán trại của T. Do không tiếp tục hợp tác khai thác với Công ty V nên đến khoảng tháng 4/2023, ông T bán một phần máy móc của mình ở mỏ, số còn lại tiếp tục giao cho H ở lại quản lý, trông coi.

Khoảng đầu tháng 7/2023, vì có ý định tận thu vàng từ số đất đá cũ trong hầm lò của ông T nên H và C bàn bạc với nhau tìm người đến để nạo vét số đất đá cũ trong hầm lò (không thông báo cho ông T biết). Do từ trước H là người quản lý cho ông Phương Văn T, thường xuyên vào hầm lò, hiểu biết hơn các công việc kỹ thuật trong hầm và quen biết người lao động, nên H là người trực tiếp vào chỉ đạo công việc trong hầm và chịu trách nhiệm tìm người lao động. Còn C không biết các công việc trong hầm lò nên đảm nhận, lo các công việc ở bên ngoài như nấu cơm, chăm công hàng ngày. H gọi điện thoại cho Sùng Dũng N1 đã từng đến làm thuê tại hầm lò của ông T bảo đến điểm mỏ làm thuê cho H và hộ tìm thêm người đến làm việc với mức tiền công 07 triệu đồng/tháng, Sùng Dũng N1 yêu cầu H phải trả riêng cho N1 09 triệu/tháng thì N1 mới đồng ý, sau đó H trao đổi lại với C thì cả hai đồng ý trả tiền công theo yêu cầu của N1. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/8/2023 đến ngày 05/8/2023, có tổng số 08 người lao động đến điểm mỏ làm thuê cho H và C, gồm: Thào Mí L (sinh năm 2002), Thò Mí P (sinh năm 1999), Thò Mí L1 (sinh năm 1999) cùng trú tại xã S, huyện Đ; Ly Mí T2 (sinh năm 1998), Vũ Nở S1 (sinh năm 1986), Ly Chá P1 (sinh năm 1977) cùng trú tại xã V, huyện Đ và Mua Mí C3 (sinh năm 1992, trú tại xã S, huyện Y), Thò Mí C1 (sinh ngày 24/12/2007, trú tại thôn H, xã S, huyện Đ). Từ ngày 06/8/2023, H và C chia làm 02 ca (mỗi ca có 04 người, một ca làm ngày tính từ 06 giờ sáng đến 18 giờ, một ca làm từ 18 giờ hôm trước đến khoảng 06 giờ sáng hôm sau) vào hầm lò để làm việc. Tuần đầu H và C chỉ đạo việc dọn dẹp, thu gom đất, đá, tu sửa máy móc, công cụ phục vụ việc khai thác và hút nước trong hầm lò. Sau khi cào, vận chuyển xong số đất đá ở đoạn đường lò dài 237m, tiếp tục xuống hố sâu 16m để nạo vét đất đá ở đoạn lò nằm ngang với hố. Khi nạo vét đến đường lò này, công việc được phân công thực hiện như sau: 01 người ở trên miệng hố thứ nhất (tính từ cửa hầm vào) để điều khiển máy tời, 03 người di chuyển bằng máy tời xuống đường hầm lò phía dưới, một người xuống hố sâu khoảng 05m đào lấy đất cho vào xô, 01 người điều khiển máy tời kéo xô đất lên trên, khi đào đủ 03 xô đất thì người còn lại sẽ sử dụng xe đẩy (xe rùa) chở đất ra để người điều khiển máy tời ở trên cùng tiếp tục đưa các xô đất lên vị trí tập kết tại vị trí gần miệng giếng, gần người điều khiển máy tời.

Ngày 14/8/2023, H về nhà tại xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, mọi công việc do C ở lại tiếp tục quản lý. Khoảng 00 giờ ngày 19/8/2023, Sùng Dũng N1,

Thò Mí C1, Thò Mí P, Ly Chá P1 và Mua Mí C3 sau khi ăn tối xong tiếp tục vào hầm lò khai thác theo ca đêm, trong đó C1 là người điều khiển máy tời, những người còn lại xuống hầm đào đất chuyển đến vị trí đáy hồ để C1 điều khiển máy tời lên, khoảng 03 giờ cùng ngày, khi đang làm việc Thò Mí C1 bị rơi xuống giếng, đáy hồ trong hầm lò dẫn đến tử vong. Đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, khi số người làm việc ban ngày vào hầm để thay ca thì mới cùng với những người làm ca đêm đưa được Thò Mí C1 ra khỏi hầm và báo cho Dương Văn C biết.

Sau khi biết Thò Mí C1 tử vong, đến khoảng hơn 6 giờ 30 phút ngày 19/8/2023, Dương Văn C gọi điện thoại báo cho Đoàn Quang H biết sự việc. Khi đó, H báo C cứ bình tĩnh để H thu xếp tiền gửi lên cho C để kịp thời khắc phục hậu quả nói chuyện với gia đình bị hại Thò Mí C1. H gọi điện nhờ người quen là anh Vương Văn T3 (sinh năm 1987, trú tại thôn C, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang) điều khiển xe ô tô, BKS 30H-664.75 vào điểm mỏ để cùng C đưa thi thể Thò Mí C1 về nhà Cơ tại huyện Đ và thỏa thuận, thống nhất mức bồi thường số tiền 200.000.000 đồng cho gia đình Thò Mí C1 tại phòng làm việc của Công an xã S trước khi Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm tử thi đối với C1. Để có tiền khắc phục hậu quả, H đã vay tiền của nhiều người trong gia đình và gửi cho C qua tài khoản của Diệp Minh T4 người quen của Đoàn Quang H để nhờ T4 chuyển số tiền trên cho C.

Về kết quả trưng cầu giám định: Bản kết luận giám định tử thi số 284/KLGDĐT-KTHS ngày 18/9/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh H, kết luận: Nguyên nhân chết của Thò Mí C1 là ngạt nước, trên người đa chấn thương (gãy xương đùi, vỡ lách).

Bản kết luận giám định độc chất số 486/643/23/KLGĐĐC-PYQG ngày 28/8/2023 của V1, kết luận: Mẫu phủ tạng của Thò Mí C1: Không tìm thấy các độc chất; (2) Mẫu máu của Thò Mí C1: Có tìm thấy E với hàm lượng 22,12mg/100ml, không tìm thấy các độc chất khác.

Bản kết luận giám định mô bệnh học số 128/23/KLMBH-VPYQG ngày 07/9/2023 của V1, kết luận: (1) Não: Phù, sung huyết; (2) Phổi, tạng sinh mỡ; (3) Phổi: xung huyết, phế nang phù rải rác, lòng chứa đại thực bào ăn sắc tố và rải rác có tổ chức bắt màu vàng; (4) Dạ dày: Phù, sung huyết; (5) Gan: xung huyết, xâm nhập viên mạn tính; (6) Lách: xung huyết.

Bản kết luận giám định số 6351/KL-KTHS ngày 13/9/2023 của V2 Bộ C4, kết luận đối với mẫu đất đá thu tại hiện trường: Mẫu chất rắn dạng đất gửi giám định có chứa vàng, hàm lượng vàng $13,34.10^{-4}\%$ (tương đương với 13,34mg/kg).

Bản kết luận giám định số 1308/KL-KTHS ngày 25/10/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận đối với dữ liệu điện tử trong điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s, số sê ri C6KS18MHGRY5, vỏ màu xám bạc thu của bị cáo Dương Văn C kết luận: Trong điện thoại gửi giám định, tìm thấy 923 cuộc gọi đi, đến (Z,

F, F, qua SIM); 8493 tin nhắn đi, đến (*Facebook, M, Z, qua SIM*). Toàn bộ dữ liệu tìm thấy trong điện thoại gửi giám định đã được sao lưu ra đĩa DVD.

Bản kết luận giám định số 185/KL-KTHS ngày 22/02/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận đối với dữ liệu điện tử trong điện thoại nhãn hiệu Iphone 8PLUS, số sê ri F2MVJFV4JCLY, vỏ màu đen của bị cáo Đoàn Quang H kết luận: Trong điện thoại, tìm thấy: (1) 238 cuộc gọi đi, đến (*qua SIM, Zalo*); 182 tin nhắn đi, đến (*qua SIM, Z, F*); 01 tệp âm thanh; 04 tệp tin video. (2) Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp tin video, âm thanh tìm thấy trong điện thoại. (3) Toàn bộ dữ liệu được tìm thấy trong điện thoại được sao lưu ra đĩa DVD.

Bản kết luận giám định số 121/KL-KTHS ngày 05/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Hà Giang, kết luận đối với chữ viết trong quyển sổ thu giữ tại chỗ ở của Dương Văn C: (1) Không đủ cơ sở kết luận chữ viết, chữ số tại các trang 2, 3, 4, 5, 14, 15, 17, 18, 19 trong quyển sổ so với chữ viết, chữ số đứng tên Dương Văn C trên các mẫu chữ viết của Dương Văn C có phải do cùng một người viết ra không; (2). Chữ viết, chữ số tại các trang 1, 6, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 16 trong quyển sổ so với chữ viết, chữ số đứng tên Dương Văn C trên các mẫu chữ viết của Dương Văn C do cùng một người viết ra.

Cáo trạng số 16/CT-VKS-P1 ngày 26/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Dương Văn C và Đoàn Quang H về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 13/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Dương Văn C 02 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đoàn Quang H; hình phạt bổ sung; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 20/8/2024, bị cáo Dương Văn C kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Dương Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt và trình bày: Bản án sơ thẩm xử phạt mức án là cao, bị cáo đã nhận thức được sai phạm của mình, bản thân bị cáo có bệnh nền, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, hiện đang phải ở nhờ nhà bố mẹ; gia đình bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; có xác nhận của Trường tiểu học Y về việc bị cáo ủng hộ 5 triệu đồng, Trường tiểu học V3 3 triệu đồng, Trường tiểu học L2 5 triệu

đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Văn C; sửa Bản án hình sự sơ thẩm, giảm cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo, do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo Dương Văn C trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Các kết luận giám định, Kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, Biên bản đối chất, Biên bản nhận dạng, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Ngày 08/11/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang ban hành Văn bản số 3520/UBND-KTTH, trong đó yêu cầu Công ty V dừng hoạt động khai thác khoáng sản tại điểm mỏ thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang cho đến khi Công ty H3 (nộp thuế) đối với Nhà nước theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Hà Giang và hoàn thành việc khắc phục các tồn tại, vi phạm theo yêu cầu tại Kết luận thanh tra số 3182/KL-STNMT ngày 25/10/2022 của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Hà Giang. Trong khoảng từ đầu tháng 7/2023 đến ngày 19/8/2023, các bị cáo Dương Văn C và Đoàn Quang H, đã lợi dụng việc được ông Phương Văn T giao ở lại điểm mỏ khai thác vàng tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang để trông coi máy móc còn lại trong hầm lò và lán trại, trong thời gian Công ty cổ phần V bị tạm dừng hoạt động, C và H không xin phép ông T, mà đã bàn bạc, thống nhất, cùng nhau tìm người lao động, sử dụng máy móc có sẵn trong hầm lò, tổ chức khai thác vàng trái phép. Khoảng 00 giờ ngày 19/8/2023, Sùng Dũng N1, Thò Mí C1, Thò Mí P, Ly Chá P1 và Mua Mí C3 là những người lao động được C và H thuê đến khai thác vàng trái phép, sau khi ăn tối xong tiếp tục vào hầm lò khai thác theo ca đêm, trong đó C1 là người

điều khiển máy tời, những người còn lại xuống hầm đào đất chuyển đến vị trí đáy hố để C1 điều khiển máy tời lên, khoảng 03 giờ cùng ngày, khi đang làm việc Thò Mí C1 bị rơi xuống giếng, đáy hố trong hầm lò dẫn đến tử vong.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Dương Văn C và Đoàn Quang H về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên", với tình tiết định khung "Làm chết người", quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Dương Văn C, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì lợi ích vật chất trước mắt các bị cáo đã bất chấp kỷ cương, coi thường pháp luật, trong khi biết rất rõ Công ty V bị dừng hoạt động khai thác khoáng sản tại điểm mỏ Thượng Cầu, xã T, huyện B, lợi dụng việc được ông Phương Văn T giao nhiệm vụ ở lại trông coi tài sản, máy móc trong hầm lò, C và H đã tự ý thuê nhân công đến khai thác vàng trái phép. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về khai thác tài nguyên, vi phạm quy định về trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực khai thác tài nguyên, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, dẫn tới hậu quả làm anh T5 Mí Cơ là người làm thuê cho các bị cáo, rơi xuống giếng trong hầm lò bị tử vong.

Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo; vai trò; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đối với bị cáo:

Về vai trò của bị cáo: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C cùng với bị cáo H đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 200.000.000 đồng kịp thời bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, nên được hưởng tình tiết được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bố đẻ là ông Dương Văn Q được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba và Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng ba, ông nội bị cáo là ông Dương Văn N2 được tặng Bằng có công với nước. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo C xuất trình các tình tiết giảm nhẹ mới như: Bản thân bị cáo có bệnh nền, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, hiện đang phải ở nhờ nhà bố mẹ, gia đình bị hại tiết tục có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo, có xác nhận của Trường tiểu học Y về việc bị cáo ủng hộ 5 triệu đồng, Trường tiểu học V3 3 triệu đồng, Trường tiểu học L2 5 triệu đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Dương Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Văn C;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Dương Văn C năm 02 năm tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2023 đến ngày 23/02/2024.

2. Về án phí: Bị cáo Dương Văn C không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang (02 bản);
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà